

2. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định của Pháp lệnh này thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

#### Điều 29.-

1. Người đang hưởng chế độ ưu đãi mà phạm tội bị kết án tù thì trong thời gian chấp hành hình phạt không được hưởng các chế độ ưu đãi.

2. Người đang hưởng chế độ ưu đãi mà phạm một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc phạm tội nghiêm trọng khác bị kết án phạt tù trên 5 năm thì vĩnh viễn không được hưởng chế độ ưu đãi kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

#### Điều 30.-

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm các quy định của Pháp lệnh này.

2. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo vi phạm chế độ ưu đãi người có công với nước theo quy định của pháp luật.

### Chương V

#### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31.- Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1995.

Những quy định trước đây trái với quy định của Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 32.- Chế độ ưu đãi theo quy định của Pháp lệnh này được áp dụng đối với những người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng đã được công nhận trước ngày Pháp lệnh có hiệu lực và những người được tiếp tục xét công nhận sau ngày Pháp lệnh có hiệu lực.

Điều 33.- Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội  
*Chủ tịch*  
**NÔNG ĐỨC MẠNH**

## PHÁP LỆNH Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

*Để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi cá nhân trong việc khai thác, tu bổ, bảo vệ công trình thủy lợi nhằm phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm an toàn xã hội và an ninh quốc gia;*

*Căn cứ vào Điều 17 và Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;*

*Pháp lệnh này quy định về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.*

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Pháp lệnh này áp dụng đối với những công trình thủy lợi đã xây dựng và được đưa vào khai thác.

Việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có liên quan đến đề điều, công trình phòng, chống lụt, bão, công trình thủy điện, công trình cấp, thoát nước cho đô thị phải tuân theo các quy định của Pháp lệnh này và các quy định của pháp luật về đề điều, về phòng, chống lụt, bão, về công trình thủy điện và về cấp, thoát nước cho đô thị.

Điều 2.- Trong Pháp lệnh này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Công trình thủy lợi" là cơ sở kinh tế - kỹ thuật thuộc kết cấu hạ tầng nhằm khai thác nguồn lợi của nước; phòng, chống tác hại của nước và bảo vệ môi trường sinh thái; bao gồm: hồ chứa, đập, cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, kênh, công trình trên kênh và bờ bao các loại;

2. "Hệ thống công trình thủy lợi" bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về mặt khai thác và bảo vệ trong một khu vực nhất định;

3. "Hộ dùng nước" là cá nhân, tổ chức được hưởng lợi hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi do doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi trực tiếp phục vụ trong việc tưới nước, tiêu nước,

cải tạo đất, phát điện, nuôi trồng thủy sản, giao thông vận tải, du lịch, nghiên cứu khoa học, cấp nước cho công nghiệp và dân sinh;

4. "Thủy lợi phí" là một phần phí dịch vụ về nước của công trình thủy lợi, để góp phần chi phí cho công tác tu bổ, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi

Điều 3.- Công trình thủy lợi được xây dựng từ mọi nguồn vốn đều phải tuân theo quy hoạch, kế hoạch, luận chứng kinh tế - kỹ thuật được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trong đó phải chỉ rõ tổ chức hoặc cá nhân chịu trách nhiệm khai thác và bảo vệ.

Điều 4.- Nhà nước có chính sách khuyến khích và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước đầu tư vốn, nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào việc xây dựng bổ sung, tu bổ, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 5.- Hội đồng Nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định chủ trương phát triển, kế hoạch khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi; giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ đó và việc thi hành pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương mình.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tham gia giáo dục, động viên nhân dân, hòa giải tranh chấp và giám sát việc thi hành pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 6.- Các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi cá nhân đều có trách nhiệm bảo vệ và chấp hành các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 7.- Hộ dùng nước của công trình thủy lợi có trách nhiệm trả thủy lợi phí theo quy định của pháp luật.

Nhà nước có chính sách khuyến khích các hộ dùng nước góp phần tu bổ, bảo vệ và phát triển hệ thống công trình thủy lợi.

Điều 8.- Nghiêm cấm mọi hành vi xâm hại đến công trình thủy lợi; chiếm dụng thủy lợi phí, sử dụng thủy lợi phí sai quy định.

## Chương II

### KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 9.- Việc khai thác công trình thủy lợi được thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Theo hệ thống công trình quy định bởi quy hoạch và luận chứng kinh tế - kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi xây dựng, không chia cắt theo địa giới hành chính;

2. Tổ chức hoặc cá nhân quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh này chịu trách nhiệm tổ chức việc khai thác và bảo vệ.

#### Mục I. DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 10.- Hệ thống công trình thủy lợi được xây dựng bằng vốn của ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước do các doanh nghiệp Nhà nước có tên là Công ty Khai thác công trình thủy lợi trực tiếp khai thác và bảo vệ.

Bộ trưởng Bộ Thủy lợi ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Khai thác công trình thủy lợi.

Điều 11.- Công ty Khai thác công trình thủy lợi là loại hình doanh nghiệp dịch vụ đặc thù, khai thác cơ sở kinh tế kỹ thuật hạ tầng phục vụ xã hội, dân sinh, có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính, hoạt động theo phương thức hạch toán lấy thu bù chi; được Nhà nước hỗ trợ tài chính trong các trường hợp sau:

- Hư hỏng công trình và mất mùa do thiên tai;
- Bơm nước chống úng, lụt, hạn hán;
- Tu bổ, khai thác công trình thủy lợi ở vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng kinh tế mới;
- Đại tu, sửa chữa, nâng cấp công trình.

Chính phủ quy định mức hỗ trợ những trường hợp trên cho các loại hình công trình thủy lợi hoạt động trong từng điều kiện cụ thể.

Điều 12.- Căn cứ vào Điều 2, Điều 7 và Điều 11 của Pháp lệnh này, Chính phủ quy định cụ thể mức thủy lợi phí cho phù hợp với từng loại hình công trình thủy lợi và điều kiện thực tế của từng vùng trong cả nước; chưa tính thu hồi vốn đầu tư xây dựng công trình.

09684453

**Điều 13.-** Nguồn tài chính của Công ty Khai thác công trình thủy lợi bao gồm:

- Thủy lợi phí;
- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ;
- Các khoản thu do khai thác tổng hợp công trình thủy lợi.

**Điều 14.-** Chính sách tài chính, phương thức thanh toán, thời gian thanh toán thủy lợi phí giữa hộ dùng nước với Công ty Khai thác công trình thủy lợi và thời gian thanh toán tiền điện giữa Công ty Khai thác công trình thủy lợi với Công ty Điện lực do Chính phủ quy định.

**Điều 15.-** Công ty Khai thác công trình thủy lợi có nhiệm vụ:

1. Điều hòa phân phối nước công bằng, bảo đảm yêu cầu phục vụ sản xuất; giữ gìn nguồn nước trong lành, bảo vệ môi trường sinh thái;
2. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch, luận chứng kinh tế - kỹ thuật của hệ thống công trình thủy lợi đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
3. Là chủ đầu tư trong việc sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi;
4. Duy trì năng lực công trình, đảm bảo công trình thủy lợi an toàn và sử dụng lâu dài;
5. Bổ sung, hoàn thiện quy trình điều tiết hồ chứa, quy trình vận hành từng công trình; xây dựng quy trình vận hành hệ thống để trình cơ quan có thẩm quyền xét duyệt và tổ chức thực hiện;
6. Theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố; kiểm tra, sửa chữa công trình trước và sau mùa mưa lũ;
7. Ký kết và thực hiện các hợp đồng về khai thác và bảo vệ công trình; bồi thường thiệt hại cho hộ dùng nước theo quy định tại Khoản 5 Điều 17 của Pháp lệnh này; chấp hành các quy định về tài chính của Nhà nước;
8. Quan trắc, theo dõi thu thập các số liệu theo quy định; nghiên cứu tổng kết và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

**Điều 16.-** Công ty Khai thác công trình thủy lợi có quyền:

1. Vận hành các công trình trong hệ thống theo quy trình, quy phạm kỹ thuật; khai thác tổng hợp công trình;

2. Thu thủy lợi phí theo hợp đồng;

3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ tài chính theo quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh này để đảm bảo vận hành và duy trì phát triển hệ thống;

4. Kiến nghị với Hội đồng quản lý hệ thống trong việc huy động các hộ dùng nước đóng góp lao động để tu bổ, sửa chữa công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật;

5. Yêu cầu Ủy ban Nhân dân địa phương nơi có hệ thống công trình có biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn công trình trong trường hợp có nguy cơ xảy ra sự cố;

6. Kiến nghị với Ủy ban Nhân dân địa phương hoặc yêu cầu lên Tòa án nhân dân giải quyết trong trường hợp các hộ dùng nước cố tình không trả đủ thủy lợi phí.

**Điều 17.-** Hộ dùng nước của công trình thủy lợi có quyền và nghĩa vụ:

1. Có kế hoạch dùng nước và ký kết hợp đồng dùng nước;
2. Sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ môi trường nước;
3. Trả thủy lợi phí theo hợp đồng;
4. Bảo vệ công trình thủy lợi trong phạm vi sử dụng của mình, đóng góp lao động để tu bổ, sửa chữa công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật;
5. Được bồi thường thiệt hại trong trường hợp do Công ty Khai thác công trình thủy lợi thiếu trách nhiệm gây ra;
6. Kiến nghị về việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; được có đại diện tham gia Hội đồng quản lý hệ thống;
7. Được hướng dẫn kỹ thuật nghiệp vụ về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

**Điều 18.-** Hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến nhiều địa phương được thành lập Hội đồng quản lý hệ thống.

Thành phần Hội đồng quản lý hệ thống gồm:

1. Chủ đầu tư;
2. Đại diện chính quyền các địa phương trong khu vực của hệ thống công trình thủy lợi;
3. Người phụ trách Công ty Khai thác công trình thủy lợi;
4. Đại diện hộ dùng nước;

### 5. Đại diện các ngành có liên quan.

Hội đồng quản lý hệ thống có trách nhiệm quyết định chủ trương, kế hoạch khai thác hệ thống; giám sát sự hoạt động của Công ty Khai thác công trình thủy lợi và hồ dùng nước; điều hòa lợi ích giữa các hồ dùng nước.

Bộ trưởng Bộ Thủy lợi ra quyết định hoặc phân cấp ra quyết định thành lập Hội đồng quản lý hệ thống và hướng dẫn Hội đồng hoạt động.

## Mục II. DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH

**Điều 19.-** Chủ đầu tư các công trình thủy lợi được xây dựng không bằng vốn ngân sách Nhà nước hoặc không có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước, tự quyết định tổ chức khai thác và bảo vệ công trình dưới dạng Hợp tác xã, Doanh nghiệp tư nhân, Công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc Công ty cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thủy lợi.

**Điều 20.-** Doanh nghiệp ngoài quốc doanh khai thác hệ thống công trình thủy lợi phải thực hiện đúng quy hoạch, luận chứng kinh tế - kỹ thuật, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo vận hành công trình an toàn, phục vụ sản xuất có hiệu quả.

**Điều 21.-** Doanh nghiệp ngoài quốc doanh được hoạt động theo nguyên tắc kinh doanh đảm bảo lợi ích cho doanh nghiệp và hồ dùng nước; doanh nghiệp ngoài quốc doanh dựa vào hệ thống công trình thủy lợi của Nhà nước làm dịch vụ phải trả tiền nước cho Công ty Khai thác công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thủy lợi.

**Điều 22.-** Doanh nghiệp ngoài quốc doanh khai thác hệ thống công trình thủy lợi liên quan đến nhiều địa phương có thể thành lập Hội đồng quản lý hệ thống theo hướng dẫn của Bộ Thủy lợi.

### Chương III

## BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

**Điều 23.-** Công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân nào khai thác thì tổ chức, cá nhân đó chịu trách nhiệm trực tiếp bảo vệ công trình.

Công trình thủy lợi thuộc phạm vi địa phương nào, thì Ủy ban Nhân dân nơi đó có trách nhiệm tổ chức bảo vệ và bảo đảm an toàn công trình theo quy định của Bộ Thủy lợi.

**Điều 24.-** Chủ đầu tư xây dựng công trình thủy lợi phải chủ động có phương án phòng chống thiên tai và hành động phá hoại, đảm bảo an toàn công trình.

Công trình thủy lợi có liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương thì chủ đầu tư xây dựng công trình chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án và tổ chức lực lượng bảo vệ theo hướng dẫn của Bộ Thủy lợi.

**Điều 25.-** Khi phát hiện công trình thủy lợi bị xâm hại hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố, thì người phát hiện có trách nhiệm báo ngay cho chính quyền địa phương, cơ quan quản lý công trình hoặc cơ quan Nhà nước nơi gần nhất để xử lý.

**Điều 26.-** Mọi hoạt động có liên quan đến việc bảo vệ công trình thủy lợi được quy định như sau:

1. Khi xây dựng bổ sung công trình thủy lợi mới vào hệ thống công trình thủy lợi đã có thì phải tuân theo quy hoạch, kế hoạch và phải có luận chứng kinh tế - kỹ thuật được cơ quan quản lý Nhà nước về thủy lợi có thẩm quyền cho phép;

2. Khi tiến hành các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có liên quan đến an toàn và hiệu quả công trình thì phải được cơ quan quản lý Nhà nước về thủy lợi có thẩm quyền cho phép;

3. Việc khai thác tổng hợp công trình thủy lợi vào mục đích phát điện, giao thông vận tải, nuôi trồng thủy sản, du lịch và các mục đích khác phải tuân theo quy trình, quy phạm và quy định về bảo vệ công trình thủy lợi.

**Điều 27.-** Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo Tiêu chuẩn Việt Nam số 5060 - 90 ngày 1 tháng 7 năm 1990, được quy định như sau:

1. Đối với đập, theo cấp công trình, phạm vi bảo vệ cách chân đập:

- Cấp I: 300m
- Cấp II: 200m
- Cấp III: 100m
- Cấp IV: 50m
- Cấp V: 20m.

Đối với khu vực lòng hồ, phạm vi bảo vệ theo đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập.

Đối với công trình thủy lợi có tầm quan trọng quốc gia, Chính phủ có quy định riêng;

2. Đối với các cống tưới, tiêu dưới đê và cống ngăn nước mặn, giữ nước ngọt ở cửa sông thì việc bảo vệ phải tuân theo quy định của Pháp lệnh về Đê điều;

3. Đối với trạm bơm, phải có hàng rào bảo vệ;

4. Đối với kênh:

a) Kênh tưới có lưu lượng từ  $2m^3$ /giây đến  $10m^3$ /giây, phạm vi bảo vệ từ chân mái ngoài của kênh trở ra là 5m; lưu lượng lớn hơn  $10m^3$ /giây, phạm vi bảo vệ từ chân mái ngoài của kênh trở ra là 10m;

b) Kênh tiêu có lưu lượng từ  $10m^3$ /giây đến  $20m^3$ /giây, phạm vi bảo vệ từ chân mái ngoài của kênh trở ra là 20m; lưu lượng lớn hơn  $20m^3$ /giây, phạm vi bảo vệ từ chân mái ngoài của kênh trở ra là 30m.

Việc sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi phải tuân theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 của Pháp lệnh này.

**Điều 28.** - Nghiêm cấm các hành vi sau:

1. Người vận hành, người phụ trách hệ thống công trình thủy lợi hoặc công trình thủy lợi, vận hành hoặc ra lệnh vận hành công trình thủy lợi trái với quy trình, quy phạm kỹ thuật được duyệt;

2. Ép buộc dưới mọi hình thức người vận hành, người phụ trách hệ thống công trình hoặc công trình thủy lợi vận hành trái với quy trình, quy phạm kỹ thuật được duyệt;

3. Sử dụng máy móc, thiết bị của công trình thủy lợi sai nhiệm vụ thiết kế;

4. Lấn chiếm, sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để làm nhà, làm bến bốc dỡ hàng hóa, chứa vật liệu; ngâm gỗ, tre, nứa, lá, cắm đàng đó và các hoạt động khác gây ảnh hưởng đến dòng chảy;

5. Tự ý đào đất, đá, dỡ bỏ hoặc hoành triệt công trình; xê dịch mố, biển báo các loại của công trình thủy lợi; sử dụng chất nổ đánh cá gây hại công trình;

6. Thải các chất độc hại quá giới hạn theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường vào nguồn nước của công trình thủy lợi;

7. Phá hoại rừng đầu nguồn, gây úng ngập, làm cạn kiệt nguồn nước;

8. Các hành vi khác xâm hại đến công trình thủy lợi.

#### Chương IV

### QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

**Điều 29.** - Chính phủ thống nhất quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trong phạm vi cả nước.

Bộ Thủy lợi chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Các Bộ, ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thủy lợi thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Ủy ban Nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi ở địa phương theo sự hướng dẫn của Bộ Thủy lợi và có trách nhiệm kiểm tra các hộ dùng nước của công trình thủy lợi trong địa phương mình trả thủy lợi phí.

Cơ quan quản lý về thủy lợi ở địa phương có trách nhiệm giúp Ủy ban Nhân dân cùng cấp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

**Điều 30.** - Nội dung quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm:

1. Quản lý việc lập, xét duyệt quy hoạch, kế hoạch và luận chứng kinh tế - kỹ thuật xây dựng hệ thống công trình thủy lợi mới, đảm bảo phục vụ sản xuất có hiệu quả, an toàn, tạo thuận lợi cho việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, bảo vệ nguồn sinh thủy của công trình và không mâu thuẫn với công trình thủy lợi đã có;

2. Xem xét việc phát triển quy hoạch, kế hoạch; điều chỉnh, bổ sung luận chứng kinh tế - kỹ thuật tu bổ, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi đã có để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; giám sát chất lượng thi công; tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

3. Ban hành các văn bản pháp quy về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và chỉ đạo tổ chức thực hiện các văn bản đó;

4. Cấp giấy phép hoặc thu hồi giấy phép về khai thác công trình thủy lợi;

5. Quyết định biện pháp xử lý trong trường hợp công trình thủy lợi có nguy cơ xảy ra sự cố;

6. Nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

7. Tuyên truyền, động viên nhân dân trong việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

8. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thu, nộp thủy lợi phí;

9. Kiểm tra, thanh tra tình trạng chất lượng và an toàn công trình thủy lợi; việc chấp hành pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

10. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo về các vi phạm trong việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

11. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

*Điều 31.-* Thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong việc vận hành công trình, điều hòa tưới tiêu nước, thu thủy lợi phí, khai thác tổng hợp và bảo vệ công trình thủy lợi được quy định như sau:

1. Tranh chấp trong phạm vi các tỉnh:

a) Tranh chấp trong phạm vi cấp xã thì do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp đó giải quyết. Nếu còn khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp trên trực tiếp giải quyết.

b) Tranh chấp giữa xã, phường, thị trấn do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giải quyết. Nếu còn khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết.

c) Tranh chấp giữa các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết.

Nếu một hoặc các bên tranh chấp không đồng ý với kết luận giải quyết nói ở các điểm a, b, c của Khoản 1 Điều này, thì có thể tiếp tục khiếu nại tới Bộ trưởng Bộ Thủy lợi. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thủy lợi có giá trị thi hành;

2. Tranh chấp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giữa các Bộ, ngành với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và giữa các Bộ, ngành với nhau do Bộ trưởng Bộ Thủy lợi giải quyết. Nếu còn khiếu nại thì Thủ tướng Chính phủ quyết định;

3. Tranh chấp giữa các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với Bộ Thủy lợi do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

4. Tranh chấp trong việc thực hiện hợp đồng về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do Tòa án nhân dân xét xử.

## Chương V

### THANH TRA VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

*Điều 32.-* Cơ quan quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, có trách nhiệm phối hợp với thanh tra chuyên ngành của các Bộ, ngành và chính quyền địa phương có liên quan để thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực này.

Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của thanh tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do Chính phủ quy định.

*Điều 33.-* Nội dung thanh tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm:

1. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

2. Thanh tra việc thực hiện, quy trình quy phạm kỹ thuật; thực hiện quy hoạch, kế hoạch và luận chứng kinh tế - kỹ thuật.

*Điều 34.-* Trong quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên có quyền:

1. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu và trả lời những vấn đề cần thiết cho việc thanh tra;

2. Tiến hành các biện pháp kiểm tra kỹ thuật tại hiện trường;

3. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm;

4. Quyết định tạm đình chỉ trong trường hợp khẩn cấp các hoạt động có nguy cơ gây hại đến công trình thủy lợi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định đó, đồng thời báo cáo ngay với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý.

## Chương VI

## KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

*Điều 35.* - Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, ngăn chặn các hành vi gây hại công trình thủy lợi thì được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

Những người đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi mà bị thiệt hại tài sản, sức khỏe hoặc tính mạng thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

*Điều 36.* - Người nào lấn chiếm đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, xâm hại đến công trình thủy lợi hoặc có hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

*Điều 37.* - Người nào thiếu tinh thần trách nhiệm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, quyết định xử lý trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

*Điều 38.* - Người nào chiếm dụng thủy lợi phí hoặc sử dụng thủy lợi phí sai quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

*Điều 39.* - Người nào có hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi gây thiệt hại cho tổ chức hoặc cá nhân thì ngoài việc bị xử lý theo quy định tại các Điều 36, 37 và 38 của Pháp lệnh này còn phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

## Chương VII

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

*Điều 40.* - Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

*Điều 41.* - Pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chủ tịch

**NÔNG ĐỨC MẠNH**

**CHÍNH PHỦ**

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 116-CP ngày 5-9-1994 về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế.**

## CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,*

## NGHỊ ĐỊNH:

## Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

*Điều 1.* - Trọng tài kinh tế là tổ chức xã hội - nghề nghiệp có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hợp đồng kinh tế; các tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau, liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể công ty; các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu.

*Điều 2.* -

1. Trọng tài kinh tế được tổ chức dưới hình thức Trung tâm Trọng tài kinh tế.

2. Tổ chức và hoạt động của mỗi Trung tâm Trọng tài kinh tế được xác định trong Điều lệ phù hợp với Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.